TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH NHAI** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST
Ngày 21 tháng 4 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH NHAI, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. *Bà Lò Thị Hoan*
2. *Bà Vũ Thị Thu*

Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu Hà - Thư ký Toà án huyện Quỳnh Nhai.

Đại diện VKSND huyện Quỳnh Nhai tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Máy - Kiểm sát viên.

Ngày 21tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2022/TLST - HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo.

Họ và tên: **Lò Tư D**, tên gọi khác: Lò Duy M; sinh ngày 06 tháng 02 năm 1998, tại xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ B, Thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn M (đã chết) và bà Quàng Thị Ư, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 18/02/2020 bị TAND huyện Sốp Cộp xử phạt 20 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 09/2020/HSST.

Tiền sự: không;

Nhân thân: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản.

Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Nhai từ ngày 19/11/2021 cho đến nay.

-Bị hại:

- Bà Lừ Thị S, sinh năm 1987. Trú tại: Bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Ông Mè Văn T, sinh năm 1987. Trú tại: Bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Ông Mè Văn P, sinh năm 1999. Trú tại: Bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. Trú tại: Bản Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xử vắng mặt;

- Ông Ngô Xuân Đ, sinh năm 1981. Trú tại: Bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bà Cà Thị N, sinh năm 1992. Trú tại: Bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Ông Lường Thế A, sinh năm 2000. Trú tại: Bản P, xã T, huyện P, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 2003. Trú tại: Tổ 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 9/2021, Lò Tư D *(Tên gọi khác là Lò Duy M)*, sinh năm 1998, trú tại Tổ B, thị trấn S, huyện S có quen biết Mè Văn Ph, sinh năm 1999, trú tại bản X, xã C, huyện Q qua mạng xã hội facebook nên D đã đến nhà Ph chơi và có ở lại nhiều ngày. Trong thời gian sinh sống ở nhà Ph, D luôn tỏ ra mình là người thân thiện, gần gũi với mọi người. Sống cùng nhà, D biết Ph vừa thực hiện xong nghĩa vụ quân sự đang có tiền hỗ trợ nên D nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của Ph bằng việc nói dối rằng hiện tại gia đình D đang có việc gấp cần tiền nên đã hỏi vay Ph và hứa sẽ trả ngay. Tin tưởng nên Ph đã đưa cho D vay 16.000.000đ *(Mười sáu triệu đồng)*. Một thời gian không thấy D trả, Ph có hỏi thì D có lấy lí do *"Chị gái D đang làm hồ sơ chuyển công tác từ Hạt kiểm lâm huyện S về Hạt kiểm lâm huyện Q khi nào chị lên sẽ cầm theo tiền để trả cho Ph ngay"*. Tuy nhiên D không có chị gái làm ở Kiểm lâm huyện S, đó chỉ là lý do D đưa ra để lừa đảo chiếm đoạt tiền của Ph. Sau khi nhận tiền Ph đưa, D đã sử dụng tiền đó tiêu sài cá nhân, cũng trong thời gian sinh sống ở nhà Ph *(Thời gian khoảng đầu tháng 10 năm 2021)*, D quen và biết được chị Lù Thị S, sinh năm 1987, anh Mè Văn T, sinh năm 1987, chị Cà Thị N sinh năm 1992, cùng trú tại bản X, xã C, huyện Q đều chưa có giấy phép lái xe máy hạng A1 nên Lò Tư D đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Sơn, Thành và N. D nói rằng bản thân có người quen hiện đang công tác tại Sở giao thông vận tải tỉnh Sơn La có khả năng làm giấy phép lái xe hạng A1 mà không cần mua hồ sơ, đi ôn và thi sát hạch, đồng thời đưa ra mức giá để làm giấy phép lái xe máy hạng A1 là từ 800.000đ *(Tám trăm nghìn đồng)* đến 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*. Nếu ai có nhu cầu làm thì đưa tiền để D làm cho. Do chưa có giấy phép lái xe và tin tưởng D nên Lù Thị S đã đưa 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*, Hoàng Thị B *(Vợ Mè Văn T)* đã đưa 800.000đ *(Tám trăm nghìn đồng)* cho D để làm giấy phép lái xe hạng A1, còn Cà Thị N do chưa có tiền nên D có bảo D sẽ bỏ tiền ra trước khi nào có tiền thì trả cho D 800.000đ *(Tám trăm nghìn đồng)*. Sau khi nhận tiền D bảo S, T và N chụp ảnh giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân *(mặt trước và mặt sau)* đưa cho D để D gửi cho người quen làm giấy phép lái

xe và hứa đến cuối tháng 10/2021 sẽ có giấy phép lái xe. Sau khi nhận tiền D không thực hiện như đã hứa hẹn mà sử dụng tiền đó tiêu sài cá nhân. Ngoài ra vào ngày 17/11/2021, sau khi đến nhà Mè Văn Ph chơi và ở lại nhiều ngày Lò Tư D đã quen và biết được chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, trú tại bản Đán Đ, xã C, huyện Q *(Do nhiều lần mua đồ tạp hóa tại quán chị H)*. D biết được chị H là người thường hay chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng hộ những người ở trong bản, nên D nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H bằng việc nói dối rằng thẻ ngân hàng của mình đang bị lỗi không chuyển tiền được nên hỏi vay trước 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* và hứa khi nào thẻ hết lỗi sẽ gửi trả chị H ngay *(tuy nhiên D không có ý định trả lại mà chiếm đoạt luôn số tiền này của chị H)*. Do tin tưởng nên chị H đã đưa 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* cho D vay, sau khi nhận được tiền D đã sử dụng tiền đó tiêu sài cá nhân. Nghi ngờ D có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ngày 19/11/2021 Lù Thị S; Mè Văn T; Mè Văn Ph; Nguyễn Thị H đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát Công an huyện Quỳnh Nhai. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai đã triệu tập đối tượng Lò Tư D lên làm việc, tại cơ quan điều tra Lò Tư D đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Qúa trình điều tra Lò Tư D còn khai nhận ngoài thực hiện những vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên, D còn thực hiện 03 *(ba)* vụ lừa đảo khác trên địa bàn huyện Quỳnh nhai và các địa bàn khác trong tỉnh Sơn La. Cụ thể:

Vụ 1: Vào trung tuần tháng 9/2021 Lò Tư D sử dụng điện thoại di động cá nhân, lấy tên đăng nhập là *"M N" (Cô tít)* truy cập mạng xã hội facebook với mục đích thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác qua mạng xã hội. Duy sử dụng hình ảnh đại diện là phụ nữ và tìm kiếm kết bạn với những người nam giới. Qúa trình truy cập D đã kết bạn được với 01 tài khoản facebook có tên là *"Nguyễn Đức H"(Tên thật là Nguyễn Đức H, sinh năm 2003, trú tại Tổ 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La)*. Sau khi kết bạn D chủ động nhắn tin làm quen, giới thiệu với H rằng bản thân tên là MN, sinh năm 2005, quê ở Sơn La, hiện đang học tại trường Cao đẳng múa văn hóa nghệ thuật ở thành phố Hà Nội. Qúa trình nhắn tin D luôn nói chuyện tình cảm để H nghĩ D là con gái mà nảy sinh tình cảm yêu đương mặc dù chưa từng gặp nhau *(Chỉ nói chuyện thông qua nhắn tin, D không đồng ý cho H gọi điện thoại với lý do khi nào gặp mặt khác được nhìn nhau)*. Sau khi đã tạo được sự tin tưởng D dùng nhiều lí do như: Mua quần áo đôi để 02 người mặc, thiếu tiền nộp học phí, gia đình có người bị tai nạn, bị chết…đang cần tiền gấp để hỏi vay tiền H và hứa sẽ trả lại ngay *(Tuy nhiên những lí do D đưa ra là không có thật, mục đích chỉ để H tin tưởng là thật và gửi tiền cho D, sau đó D sẽ chiếm đoạt)*. Tổng số tiền Nguyễn Đức H đã gửi cho D *(MN)* là 6.300.000đ *(Sáu triệu ba trăm nghìn đồng)* được chia thành nhiều lần gửi *(06 lần, qua số tài khoản ngân hàng Agribank 1220205260885 mang tên ME VAN PH bạn của D)*. Sau khi nhận được tiền D đã chặn liên lạc với H và sử dụng tiền H gửi tiêu sài cá nhân.

Vụ 2: Cũng trong tháng 9/2021, cũng bằng thủ đoạn như đối với Nguyễn Đức H, Lò Tư D đã sử dụng tài khoản facebook *"MN"* kết bạn với tài khoản facebook có tên là *"Lường Thế A" (Tên thật là Lường Thế A, sinh năm 2000, trú*

tại bản P, xã T, huyện P, tỉnh Sơn La) để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. D cũng giới thiệu với A rằng bản thân tên là MN, sinh năm 2005, quê ở Sơn La, hiện đang học tại trường Cao đẳng múa văn hóa nghệ thuật ở thành phố Hà Nội. Qúa trình nhắn tin D luôn nói chuyện tình cảm để A nghĩ D là con gái mà nảy sinh tình cảm yêu đương mặc dù chưa từng gặp nhau *(D tự xưng mình là vợ, còn gọi A là chồng, cả hai chỉ nói chuyện thông qua nhắn tin, D không đồng ý cho A gọi điện thoại với lý do khi nào gặp mặt khác được nhìn nhau).* Sau khi đã tạo được sự tin tưởng Lò Tư D cũng lấy nhiều lí do như thiếu tiền nộp học phí, gia đình có người bị tai nạn, bị chết, bị ốm…đang cần tiền gấp để hỏi vay tiền của A và hứa sẽ trả lại ngay. Tổng số tiền Lường Thế A đã gửi cho *"MN"(tức Lò Tư D)* là 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*, được chia thành nhiều lần gửi *(không xác định được số lần gửi, qua số tài khoản ngân hàng Agribank 1220205260885 mang tên ME VAN PH bạn của D)*. Gửi tiền cho *"MN" (tức Lò Tư D)* được một thời gian mà không thấy trả nên Lường Thế A đã nhắn tin hỏi thì được D gửi trả 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*. Sau đó D đã chặn liên lạc với Lường Thế A và sử dụng 49.000.000đ *(Bốn mươi chín triệu đồng)* tiền Lường Thế A gửi tiêu sài cá nhân.

Vụ thứ 3: Vào ngày 18/11/2021, sau nhiều ngày sinh sống tại xã C, huyện Q và thường hay thuê xe taxi của anh Ngô Xuân Đ, sinh năm 1981, trú tại bản P, xã M, huyện Quỳnh Nhai để đi chơi. Khi đi xe của Đ, Lò Tư D đã nói dối Đ rằng mình là nhân viên giới thiệu sản phẩm về điện thoại của hãng Huawei phụ trách khu vực Tây Bắc. Nghe D giới thiệu vậy, Đ có hỏi D *"Người như anh có đủ điều kiện để làm nhân viên không?"*, biết Đ hiện đang muốn tìm công việc nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của Đ bằng cách nói dối *"Hiện tại huyện Quỳnh Nhai mới mở chi nhánh khai trương cửa hàng điện máy xanh nếu anh có nhu cầu xin việc thì để em làm hộ anh hồ sơ cho anh làm nhân viên đứng quầy"*. Do tin tưởng nên Đ đã đưa 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* cho D để làm hồ sơ xin việc. Ngoài ra D còn đang nợ tiền taxi của anh Đ 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*, D có nói là khi nào có tiền sẽ trả nhưng thực chất D nói vậy chỉ để Đ tin chứ sẽ không trả lại tiền cho Đ. Sau khi nhận tiền của Đ, D đã sử dụng tiền đó tiêu sài cá nhân.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 6S, màu hồng, số EMEI: 355.419.073.257.530; EMEID: 355.419.073.257.53, điện thoại đã qua sử dụng do Lò Tư D giao nộp.

- Số tiền 2.500.000đ có đặc điểm, hình dạng, kích thước giống tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành do Lò Tư D giao nộp.

Ngày 23/12/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 05/QĐ-CSĐT đề nghị Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định số tiền vật chứng thu giữ được. Tại kết luận giám định số 150/KLGĐ ngày 30/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* gửi giám định là tiền thật do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Đối với Mè Văn Ph, sinh năm 1999, trú tại bản X, xã C, huyện Q. Qúa trình điều tra bị can Lò Tư D khai nhận sau khi thực hiện hành vi lừa đảo tiền của Lường Thế A, Nguyễn Đức H bị can D đã bảo A và H gửi tiền vào số tài khoản ngân hàng Agribank 1220205260885 mang tên ME VAN PH, đồng thời D nói với Ph rằng thẻ của mình đang bị hỏng không chuyển được tiền nên mượn thẻ Ph để dùng. Mè Văn Ph không biết được D đã sử dụng thẻ ngân hàng của mình để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó không có căn cứ xử lý đối với Mè Văn Ph.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 6S, màu hồng, số EMEI: 355.419.073.257.530; EMEID: 355.419.073.257.53, điện thoại đã qua sử dụng và số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* do Lò Tư D giao nộp. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai đã ra Quyết định chuyển vật chứng từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Nhai để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 17/CT- VKS – QN ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Lò Tư D (Lò Minh D) về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Quỳnh Nhai phát biểu luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lò Tư D (Lò Minh D) về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lò Tư D (Lò Minh D) có mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2021 là ngày bắt giữ bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh tài sản của bị cáo, bị cáo không có tài sản gì có giá trị. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại số tiền cho các bị hại: Trả cho chị Lù Thị S số tiền 1.000.000đ; Mè Văn T số tiền 800.000đ; trả cho Mè Văn Ph số tiền 16.000.000đ; Trả cho Nguyễn Thị H số tiền 2.000.000đ; Trả cho Lường Thế A số tiền 49.000.000đ; Trả cho Nguyễn Đức H số tiền 6.300.000đ. Riêng Ngô Xuân Đ không yêu cầu D bồi thường số tiền chiếm đoạt.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. tịch thu xung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 6s màu hồng. Điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Lò Tư D.

Tạm giữ số tiền 2.500.000đ của Lò Tư D khi bị bắt giữ để bảo đảm cho công tác Thi hành án dân sự.

Về án phí:

Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án - Buộc bị cáo Lò Tư D (Lò Duy M) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng) và án phí sơ thẩm dân sự là 3.755.000đ.*

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án. Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Sự vắng mặt của các bị hại liên quan đến vụ án: Anh Lường Thế A; chị Nguyễn Thị H; anh Nguyễn Đức H; anh Ngô Xuân Đ; chị Cà Thị N. Đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng do không tham gia phiên tòa được và có đơn xin xét xử vắng mặt. Lời khai của các bị hại có tên nêu trên đã có trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Lò Tư D (Lò Duy M), của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 11/2021, Lò Tư D (Lò Duy M) đã sử dụng nhiều thủ đoạn gian dối tạo sự tin tưởng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 07 người ở nhiều địa bàn khác nhau *(Huyện Q, huyện S, huyện P)* chiếm đoạt tổng số tiền của các bị hại là 76.600.000đ *(Bảy mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Hành vi của Lò Tư D (Lò Duy Minh) đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự

Điều 174 BLHS quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) .....*;*

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."*

[2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, mà nguyên nhân là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, không nghề nghiệp, có mối quan hệ xã hội phức tạp. Để có tiền một các nhanh chóng phục vụ nhu cầu cảu bản thân, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần số tiền bị cáo chiếm đoạt được đều trên mức tối thiểu của tội danh, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần", phạm tội trong khi chưa được xóa án tích "Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, đồng thời áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung. Bị cáo D đã khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng theo Điều 51 BLHS đối với bị cáo. Hình phạt và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo Khoản 5 Điều 174 BLHS thì: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Bồi thường dân sự, vật chứng và các vấn đề khác:

- Về bồi thường dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, các bị hại Lù Thị S, Mè Văn T, Mè Văn P, Nguyễn Thị H, Lường Thế A, Nguyễn Đức H đều có yêu cầu bị can Lò Tư D hoàn trả cho các bị hại số tiền mà bị can D đã chiếm đoạt. Cụ thể Lù Thị S *(1.000.000đ)*, Mè Văn T *(800.000đ)*, Mè Văn Ph *(16.000.000đ)*, Nguyễn Thị H *(2.000.000đ)*, Lường Thế A *(49.000.000đ)*, Nguyễn Đức H *(6.300.000đ* yêu cầu trên của các bị hại là có căn cứ theo Điều 48 BLHS và Điều 357 BLDS nên cần chấp nhận.

Anh Ngô Xuân Đ không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường cho anh. Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét, giải quyết trong vụ án.

-Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ của Lò Tư D (Lò Duy M) 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 6S, màu hồng, số EMEI: 355.419.073.257.530; EMEID: 355.419.073.257.53, điện thoại đã qua sử dụng; 2.500.000đ có đặc điểm, hình dạng, kích thước giống tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành. Hội đồng xét xử xét thấy đây là công cụ phạm tội và có liên quan đến vụ án. Vì vậy cần tuyên tịch thu xung quỹ nhà nước và tạm giữ số tiền để bảo đảm công tác thi hành án dân sự theo điểm a, c khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với Mè Văn Ph, sinh năm 1999, trú tại bản X, xã C, huyện Q. Qúa trình điều tra bị can Lò Tư D khai nhận sau khi thực hiện hành vi lừa đảo tiền của Lường Thế A, Nguyễn Đức H bị can D đã bảo A và H gửi tiền vào số tài khoản ngân hàng Agribank 1220205260885 mang tên ME VAN PH, đồng thời D nói với Ph rằng thẻ của mình đang bị hỏng không chuyển được tiền nên mượn thẻ Ph để dùng. Mè Văn Ph không biết được D đã sử dụng thẻ ngân hàng của mình để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó không có căn cứ xử lý đối với Mè Văn Ph

[5] Án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án - Buộc bị cáo Lò Tư D (Lò Duy M) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng) và án phí sơ thẩm dân sự là 3.755.000đ.*

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lò Tư D (Lò Duy M) phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Về hình phat: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Lò Tư D (Lò Duy M) 04 năm (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/11/2021)

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lò Tư D (Lò Duy M) phải bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể:

Cho Lù Thị S *(1.000.000đ)*, Mè Văn T *(800.000đ)*, Mè Văn Ph *(16.000.000đ)*, Nguyễn Thị H *(2.000.000đ)*, Lường Thế A *(49.000.000đ)*, Nguyễn Đức H *(6.300.000đ)*. *Tổng cộng là 75.100.000đ (Bẩy mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).*

3. Về xử lý vật chứng vụ án: điểm a, c khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 6S, màu hồng, số EMEI: 355.419.073.257.530; EMEID: 355.419.073.257.53, điện thoại đã qua sử dụng được gói trong một phong bì công văn của Công an huyện Quỳnh Nhai (còn nguyên niêm phong) mặt trước của phong bì có ghi Vật chứng lưu kho vụ Lò Tư D, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mặt sau, tại mép dán giáp lai, phong bì được dán đè giấy niêm phong số 005370 của Công an tỉnh Sơn La, trên giấy niêm phong có đầy đủ tên của các thành phần tham gia cùng hai dấu hình tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai.

Tạm giữ để bảo đảm cho công tác Thi hành án dân sự số tiền 2.500.000đ được niêm phong trong một phong bì kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, còn niêm phong, mặt trước phong bì có ghi vật chứng vụ Lò Tư D, lừa đảo chiếm đoạt tài sản hồi 16 giờ 10 phút, ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La. Mặt sau tại các mép dán giáp lai, phong bì được dán đè giấy niêm phong 038783 của Công an tỉnh Sơn La, trên giấy niêm phong có đầy đủ tên của các thành phần tham gia cùng hai hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La.

Tuyên tiêu hủy 01 *(Một)*vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu đã bóc mở.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 29/2022 ngày 15/3/2022 giữa cơ quan Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La)

Hiện toàn bộ số vật chứng trên đang được lưu giữ tại kho tang vật của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Nhai sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Lò Tư D (Lò Duy M) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng) và án phí sơ thẩm dân sự là 3.755.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).*

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện (02);
- Công an (02);
- Trại giam;
- CCTHA Dân sự;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hường